

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/8/2021

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa chị Trương Thị L và anh Đặng Văn C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Ông Bàn Đức Hiếu

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22/3/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Trương Thị L trình bày:

Chị và anh Đặng Văn C kết hôn năm 2018, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 14/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn L, xã M, huyện H. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Anh C hay uống rượu, đánh chửi vợ, con. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc, không tin tưởng nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vì vậy chị đã sống ly thân với anh C từ năm 2019 đến nay, chị xác định

mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, không thể hòa hợp để tiếp tục cuộc sống chung, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn C.

Về con chung: Trước khi kết hôn, chị và anh C chung sống với nhau như vợ chồng và có một con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh ngày 13/7/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng là giao con cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng).

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, anh Đặng Văn C trình bày:

Anh và chị Trương Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/11/2018. Trước khi kết hôn anh chị đã có một thời gian chung sống như vợ chồng, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn L, xã M, huyện H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị L bỏ đi làm ở công ty, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn tình cảm, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, kéo dài vì vậy anh nhất trí ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị L.

Về con chung: Trước khi kết hôn, anh và chị L chung sống với nhau như vợ chồng và có một người con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh ngày 13/7/2016, hiện cháu đang ở với anh tại thôn L, xã M. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Anh yêu cầu chị L cấp dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi với mức 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng).

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81; 82; 83; 84, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Đặng Văn C; giao cháu Đặng Văn Đ cho anh Đặng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Trương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ với mức 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng); chị Trương Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Đặng Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Trương Thị L và anh Đặng Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, không yêu thương, nhường nhịn nhau, sau khi kết hôn được khoảng một năm thì anh chị đã sống ly thân, chị L bỏ đi làm ở công ty, còn anh C vẫn sinh sống tại thôn L, xã M. Mâu thuẫn giữa anh chị đã căng thẳng, trầm trọng, kéo dài. Chị L và anh C có một người con chung tên là Đặng Văn Đ, sinh năm 2016, hiện cháu do anh C nuôi dưỡng, vợ chồng không có tài sản chung.

HĐXX thấy rằng, chị L và anh C đã không cùng chung sống, không còn quan tâm đến nhau và đã ly thân từ cuối năm 2019 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Các đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, vì vậy cần xử cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Đặng Văn C.

[2] Về con chung: Chị Trương Thị L và anh Đặng Văn C một con chung là cháu Đặng Văn Đ sinh ngày 13/7/2016. Các đương sự cùng có chung quan điểm là giao con cho anh Đặng Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng (mỗi tháng một lần). Xét thấy yêu cầu của các đương sự là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Trương Thị L, anh Đặng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trương Thị L phải nộp án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm (án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng); các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Đặng Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 14/11/2018 cho chị Trương Thị L và anh Đặng Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày sinh ngày 13/7/2016 cho anh Đặng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 9/2021 trở đi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng (mỗi tháng nộp một lần). Chị

Trương Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đặng Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trương Thị L chậm nộp thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002427 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị L còn phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Anh Đặng Văn C không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Tuyết Mai